

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/DS-ST.

Ngày: 02-3-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông K'Đào

2. Ông Đào Duy Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thới Sương – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Trần Thị T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Bị đơn:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1993 và ông Vũ Văn N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Bà Diệu có mặt, ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2019, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Ngày 24-7-2019 bà có cho bà Nguyễn Thị D vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn trả 10 ngày; Ngày 02-8-2019 bà tiếp tục cho bà Nguyễn Thị D vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn trả 05 ngày. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy vay. Việc vay tiền có viết giấy bà D có ký và ghi họ tên “Nguyễn Thị D” xác nhận vay tiền. Đến hạn bà nhiều lần đòi nhưng bà D không trả. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Vũ Văn N cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Thời hạn trả ngày 20-11-2020 trả 17.000.000 đồng; ngày 20-11-2021 trả 17.000.000 đồng và ngày 20-11-2022 trả 16.000.000 đồng. Bà T xác định đây là nợ chung của vợ chồng bà D và ông N, không phải nợ riêng của bà D.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Giấy viết tay ngày 24-7-2019 và ngày 02-8-2019.

Trong quá trình xét xử và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà thừa nhận có ký và ghi họ tên Nguyễn Thị D xác nhận vay của bà Trần Thị T số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi vay số tiền 20.000.000 đồng, thực tế bà chỉ nhận 18.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng hai bên thỏa thuận trừ tiền lãi; khi vay số tiền 30.000.000 đồng, thực tế bà chỉ nhận 27.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng hai bên thỏa thuận trừ vào tiền lãi. Thực tế số tiền bà được nhận là 45.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày, nhưng không ghi vào giấy vay tiền. Số tiền lãi bà đã trả cho bà T là 28.000.000 đồng, trả nhiều lần, 10 ngày bà trả một lần, mỗi lần trả lãi 5.000.000 đồng, bà giao tiền trực tiếp cho bà T hoặc con gái bà T là Vũ Thị Hồng T, việc trả tiền lãi không ghi giấy tờ và ký xác nhận.

Nay bà T yêu cầu vợ chồng bà cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Thời hạn trả ngày 20-11-2020 trả 17.000.000 đồng; ngày 20-11-2021 trả 17.000.000 đồng và ngày 20-11-2022 trả 16.000.000 đồng thì bà không đồng ý, đây là nợ riêng của cá nhân bà, bà không có bàn bạc gì với ông N chồng bà, mục đích bà vay tiền để mua bán phục vụ sinh hoạt gia đình. Nay bà chỉ chấp nhận bà là người có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền còn nợ là 22.000.000 đồng, chấp nhận trả tiền lãi cho bà T theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình xét xử ông Vũ Văn N trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị D có quan hệ là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, hiện nay vợ chồng ông đang ly thân nhưng chưa làm thủ tục ly hôn.

Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông cùng có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vay 50.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Thời hạn trả ngày 20-11-2020 trả 17.000.000 đồng; ngày 20-11-2021 trả 17.000.000 đồng và ngày 20-11-2022 trả 16.000.000 đồng thì ông không đồng ý, đây là nợ riêng của cá nhân bà D, việc vay tiền của bà T và việc mua bán của bà D thì bà D không có bàn bạc gì với ông, nên bà D có trách nhiệm trả toàn bộ nợ cho bà T, không liên quan đến ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Vũ Văn N cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền vay 50.000.000 đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Vũ Văn N vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu hoãn tố nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N. Bà Trần Thị T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Vũ Văn N. Bà D và ông N hiện nay đều đang cư trú tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị T cho rằng bà Nguyễn Thị D vay số tiền 50.000.000 đồng của bà nhưng đến hạn bà D không trả, nên khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà D, ông N cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ trên. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Vũ Văn N có nghĩa vụ trả số tiền vay 50.000.000 đồng. Thời hạn trả ngày 20-11-2020 trả 17.000.000 đồng; ngày 20-11-2021 trả 17.000.000 đồng và ngày 20-11-2022 trả 16.000.000 đồng. Việc vay tiền có viết giấy ghi ngày 24-7-2019 và ngày 02-8-2019, bà D có ký và ghi họ tên “Nguyễn Thị D”, bà D cho rằng thực tế chỉ nhận 45.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày và đã trả tiền lãi cho bà T là 28.000.000 đồng làm nhiều lần, 10 ngày tôi trả một lần, mỗi lần trả lãi 5.000.000 đồng, nhưng không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Ông Vũ Văn N cho rằng việc bà D vay tiền của bà T không liên quan gì đến ông. Tuy nhiên, giữa ông và bà D có quan hệ hôn nhân hợp pháp, số tiền vay của bà T thì bà D không sử dụng cho bản thân, theo Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới

đối với giao dịch do một bên thực hiện, nên ông N xác định là bị đơn trong vụ án.

Từ những phân tích nêu trên bà Trần Thị T khởi kiện vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Vũ Văn N là có cơ sở, cần áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Vũ Văn N cùng có nghĩa vụ trả tiền cho bà Trần Thị T số tiền vay 50.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D, ông Vũ Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Vũ Văn N cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền vay là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Thời hạn trả ngày 20-11-2020 trả 17.000.000 đồng; ngày 20-11-2021 trả 17.000.000 đồng và ngày 20-11-2022 trả 16.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Vũ Văn N cùng có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn lại bà Trần Thị T số tiền 1.300.000 đồng (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0014550 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Di Linh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND thị trấn Di Linh;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ